

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-34

11
CƠ
H
NG
A
11

0102
ÔNG
PH
À E
Y C
TU-TR

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 05 tháng 11 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Trọng Tuấn	Chủ tịch	
Bà Phan Đỗ Hạnh	Thành viên	
Bà Nguyễn Mai Thanh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm 25/04/2025
Bà Dương Thị Thanh Tâm	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông La Hoài Nam	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Chu Thị Phương Anh	Trưởng ban
Ông Lê Văn Tới	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Hằng	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông La Hoài Nam - Tổng Giám đốc công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



La Hoài Nam
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2026



Số: 300326.007/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

Nguyễn Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5136-2025-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		306.017.017.062	294.219.098.541
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	36.845.159.345	16.906.377.798
111	1. Tiền		36.845.159.345	15.906.377.798
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	38.000.000.000	85.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		38.000.000.000	85.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		140.407.924.872	129.503.587.107
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	59.846.625.793	65.496.808.725
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	11.144.495.103	3.933.045.991
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	68.178.104.109	64.940.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	11.259.971.989	643.291.977
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.021.272.122)	(5.509.559.586)
140	IV. Hàng tồn kho	10	84.843.085.868	61.637.465.146
141	1. Hàng tồn kho		84.843.085.868	61.637.465.146
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.920.846.977	1.171.668.490
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	413.108.115	1.110.059.023
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		325.512.156	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	5.182.226.706	61.609.467
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		19.290.856.113	23.476.402.417
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.250.000	5.250.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	5.250.000	5.250.000
220	II. Tài sản cố định		11.450.366.490	17.047.423.327
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	11.450.366.490	17.047.423.327
222	- Nguyên giá		363.222.090.570	362.859.508.752
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(351.771.724.080)	(345.812.085.425)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.833.315.000	1.972.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.972.000.000	1.972.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(138.685.000)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.001.924.623	4.451.729.090
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	6.001.924.623	4.451.729.090
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		325.307.873.175	317.695.500.958

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		49.578.457.839	40.982.223.894
310	I. Nợ ngắn hạn		49.578.457.839	40.982.223.894
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	28.013.689.205	16.025.364.090
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	981.755.673	275.540.370
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.278.041.782	5.737.038.589
314	4. Phải trả người lao động		3.803.039.256	8.454.656.357
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4.429.647.465	733.439.958
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	9.301.324.543	9.152.140.361
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.770.959.915	604.044.169
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		275.729.415.336	276.713.277.064
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	275.729.415.336	276.713.277.064
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		198.868.710.000	180.810.530.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		198.868.710.000	180.810.530.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		508.431.449	508.431.449
415	3. Cổ phiếu quỹ		(317.124.000)	(317.124.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		67.080.335.727	65.574.633.259
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.589.062.160	30.136.806.356
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		336.586.552	22.757.000
421b	LNST chưa phân phối năm nay		9.252.475.608	30.114.049.356
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		325.307.873.175	317.695.500.958


Phạm Thị Thu Trang
Người lập

Nguyễn Nhất Linh
Kế toán trưởngLa Hoài Nam
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	418.619.433.452	467.307.693.861
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	533.953.900	701.869.440
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		418.085.479.552	466.605.824.421
11	4. Giá vốn hàng bán	23	376.954.377.954	411.072.107.394
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		41.131.101.598	55.533.717.027
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	12.856.683.753	20.254.292.121
22	7. Chi phí tài chính	25	2.116.653.918	1.664.993.906
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.113.382.650	245.749.233
25	8. Chi phí bán hàng	26	11.820.402.740	14.568.304.136
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	28.804.363.782	21.906.341.605
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.246.364.911	37.648.369.501
31	11. Thu nhập khác		645.082.894	383.019.694
32	12. Chi phí khác		30.535.069	235.353.830
40	13. Lợi nhuận khác		614.547.825	147.665.864
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.860.912.736	37.796.035.365
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	2.608.437.128	7.681.986.009
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.252.475.608	30.114.049.356
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	466	1.516

*Handwritten signature**Handwritten signature*Phạm Thị Thu Trang
Người lậpNguyễn Nhất Linh
Kế toán trưởngLa Hoài Nam
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.860.912.736	37.796.035.365
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.959.638.655	10.478.544.341
03	- Các khoản dự phòng		4.650.397.536	4.306.303.261
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.948.739)	(286.465.299)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(12.787.006.512)	(19.520.205.761)
06	- Chi phí lãi vay		1.113.382.650	245.749.233
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.792.376.326	33.019.961.140
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(13.434.112.598)	21.147.569.559
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(23.205.620.722)	48.187.860.826
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		10.225.821.901	(3.071.203.349)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(853.244.625)	2.075.843.936
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.113.382.650)	(536.851.122)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.404.779.291)	(5.306.636.713)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.901.489.190)	(2.070.736.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(24.894.430.849)	93.445.808.277
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(362.581.818)	(1.569.840.160)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(153.300.000.000)	(149.940.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		200.300.000.000	25.000.000.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	64.946.800.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.415.939.414	2.022.179.730
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		52.053.357.596	(59.540.860.430)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		47.192.140.212	5.764.790.764
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(47.192.140.212)	(33.923.865.678)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.220.145.200)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.220.145.200)	(28.159.074.914)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***Năm 2025*
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		19.938.781.547	5.745.872.933
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		16.906.377.798	11.160.504.865
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>36.845.159.345</u>	<u>16.906.377.798</u>

**Phạm Thị Thu Trang**
Người lập**Nguyễn Nhất Linh**
Kế toán trưởng**La Hoài Nam**
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 05 tháng 11 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 198.868.710.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 198.868.710.000 VND; tương đương 19.886.871 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 279 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 264 người).

Lĩnh vực kinh doanh

In và sản xuất bao bì bằng kim loại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ);
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá;
- Kinh doanh thương mại nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 02 tháng đến 36 tháng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước hoa hồng bán hàng, ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.845.159.345	15.906.377.798
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
	36.845.159.345	16.906.377.798

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	38.000.000.000	-	85.000.000.000	-
	38.000.000.000	-	85.000.000.000	-

Tại ngày 31/12/2025, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 6 tháng với lãi suất từ 5,6%/năm đến 5,8%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
- Công ty Cổ phần Càng Rau Quà (VGP) (*)	1.972.000.000	1.833.315.000	(138.685.000)	1.972.000.000
	1.972.000.000	1.833.315.000	(138.685.000)	1.972.000.000

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HNX tại ngày 31/12/2025 và 31/12/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty CP Đồ hộp Blue Sea	11.185.722.434	(6.644.260.633)	11.185.722.434	(3.834.252.805)
- Công ty Cổ phần Thương mại KG	4.829.020.049	-	6.779.128.094	-
- Công ty TNHH Sơn Hiệp Phát	5.343.878.375	-	6.548.449.038	-
- Công ty CP Đồ hộp TP	5.098.340.806	-	6.164.679.290	-
Phải thu khách hàng khác	33.389.664.129	(3.377.011.489)	34.818.829.869	(1.675.306.781)
	59.846.625.793	(10.021.272.122)	65.496.808.725	(5.509.559.586)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
JIANGSU	11.144.495.103	-	3.933.045.991	-
YOUFU SHEET TECHNOLOG Y CO., LTD.	-	-	2.487.154.525	-
BAOSTEEL SINGAPORE PTE. LTD.,	6.027.498.198	-	160.110.720	-
SHENZHEN LINGHENG CO., LTD	2.140.928.770	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T.K.C	1.562.650.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	1.413.418.135	-	1.285.780.746	-
	11.144.495.103	-	3.933.045.991	-

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên khác</i>						
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Quy Nhơn Lương	64.940.000.000	-	3.238.104.109	-	68.178.104.109	-
	64.940.000.000	-	3.238.104.109	-	68.178.104.109	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

Hợp đồng vay vốn số 2006/HĐVV/MCP-QL ngày 20/06/2025 và Hợp đồng vay vốn số 2506/HĐVV/MCP-QL ngày 25/06/2025 giữa Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Quy Nhơn Lương, với các điều khoản chi tiết sau:

- Tổng số tiền cho vay: 68.178.104.109 VND;
- Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Bên vay đã hoàn trả tiền vay và lãi vay trong tháng 1 năm 2026.
- Lãi suất cho vay: 10%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 68.178.104.109 VND;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.132.962.989	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	14.373.798	-	9.332.266	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	12.632.906	-	9.268.433	-
Phải thu về bảo hiểm thất	46.310	-	-	-
Tạm ứng	30.736.000	-	15.536.455	-
Ký cược, ký quỹ	6.600.000.000	-	-	-
Phải thu khác	469.219.986	-	609.154.823	-
	11.259.971.989	-	643.291.977	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Quỳnh Lương	3.418.245.181	-	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN HCM	714.717.808	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	6.600.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	527.009.000	-	643.291.977	-
	11.259.971.989	-	643.291.977	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	5.250.000	-	5.250.000	-
	5.250.000	-	5.250.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

9 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Thực phẩm Gia Đình An Co	278.296.120	-	418.296.120	153.488.836
- Công ty CP Đồ hộp Blue Sea	11.185.722.434	4.541.461.801	9.276.177.962	5.441.925.157
- Các đối tượng khác	6.249.950.425	3.151.235.056	3.697.055.034	2.286.555.537
	17.713.968.979	7.692.696.857	13.391.529.116	7.881.969.530

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.796.595.048	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	64.259.616.502	-	44.224.244.175	-
Công cụ, dụng cụ	1.799.540.921	-	2.059.006.091	-
Thành phẩm	15.987.333.397	-	15.354.214.880	-
	84.843.085.868	-	61.637.465.146	-

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÁU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

11 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	10.667.980.186	343.245.742.078	7.435.141.700	863.213.045	647.431.743	362.859.508.752
- Mua trong năm	-	250.000.000	-	112.581.818	-	362.581.818
Số dư cuối năm	10.667.980.186	343.495.742.078	7.435.141.700	975.794.863	647.431.743	363.222.090.570
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	10.156.242.810	328.568.519.907	5.954.221.469	812.232.001	320.869.238	345.812.085.425
- Khấu hao trong năm	107.686.356	5.469.340.589	303.552.072	31.559.642	47.499.996	5.959.638.655
Số dư cuối năm	10.263.929.166	334.037.860.496	6.257.773.541	843.791.643	368.369.234	351.771.724.080
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	511.737.376	14.677.222.171	1.480.920.231	50.981.044	326.562.505	17.047.423.327
Tại ngày cuối năm	404.051.020	9.457.881.582	1.177.368.159	132.003.220	279.062.509	11.450.366.490

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 338.215.588.722 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	52.735.795	626.720.715
Công cụ dụng cụ xuất dùng	252.875.337	307.276.812
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	107.496.983	176.061.496
	<u>413.108.115</u>	<u>1.110.059.023</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.440.592.227	3.767.788.408
Chi phí sửa chữa lớn nhà xưởng	1.201.747.123	666.094.558
Chi phí trả trước dài hạn khác	359.585.273	17.846.124
	<u>6.001.924.623</u>	<u>4.451.729.090</u>

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2025</u>		<u>01/01/2025</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
HENKEL SINGAPORE PTE. LTD	640.855.592	640.855.592	3.786.106.298	3.786.106.298
CÔNG TY TNHH CANCOAT (VIETNAM)	2.469.312.000	2.469.312.000	1.794.146.086	1.794.146.086
Công ty TNHH GCM Packaging	371.172.672	371.172.672	2.269.609.346	2.269.609.346
Easy Open Lid Industry Corp Yiwu	11.143.635.208	11.143.635.208	-	-
AUSTIN MULTI- TRADE	8.515.461.511	8.515.461.511	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	4.873.252.222	4.873.252.222	8.175.502.360	8.175.502.360
	<u>28.013.689.205</u>	<u>28.013.689.205</u>	<u>16.025.364.090</u>	<u>16.025.364.090</u>

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Hộ kinh doanh Cơ sở Chế biến Thực phẩm đóng hộp Hương Giang	362.272.456	-
Công ty TNHH Tập đoàn Dược phẩm Natural Farm	161.963.600	-
Đối tượng khác	457.519.617	275.540.370
	<u>981.755.673</u>	<u>275.540.370</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÁU
18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.631.315.153	26.250.373.317	27.881.688.470	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	1.205.751.057	1.545.135.162	339.384.105	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.904.779.291	2.608.437.128	5.404.779.291	-	-	-	-	1.108.437.128	-
Thuế Thu nhập cá nhân	58.609.467	200.944.145	1.582.150.861	1.694.543.536	139.662.651	-	-	-	169.604.654	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	11.067.678.875	15.770.858.825	4.703.179.950	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.000.000	-	3.000.000	-	-	-	-	-	-	-
	61.609.467	5.737.038.589	42.717.391.238	52.297.005.284	5.182.226.706	1.278.041.782				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND	VND	VND	VND
- Trích trước chi phí hoa hồng bán hàng	746.465.692	733.439.958	-	-
- Lương tháng 13	3.338.576.590	-	-	-
- Chi phí phải trả khác	344.605.183	-	-	-
	4.429.647.465	733.439.958		

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÁU**Báo cáo tài chính**

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

17 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	797.956.078	726.560.350
- Kinh phí công đoàn	498.084.374	512.152.684
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	167.706
- Nhân ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.751.078.855	7.448.293.795
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	233.833.927	229.046.727
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.371.309	235.919.099
	9.301.324.543	9.152.140.361

18 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh	-	-	47.192.140.212	47.192.140.212	-	-
	-	-	47.192.140.212	47.192.140.212	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÁU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	64.948.203.442	17.441.963.130	248.343.424.021					
Tăng vốn trong năm trước	30.097.160.000	(15.048.580.000)	-	-	(15.048.580.000)	-					
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	30.114.049.356	30.114.049.356					
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	626.429.817	(2.370.626.130)	(1.744.196.313)					
Số dư cuối năm trước	180.810.530.000	508.431.449	(317.124.000)	65.574.633.259	30.136.806.356	276.713.277.064					
Số dư đầu năm nay	180.810.530.000	508.431.449	(317.124.000)	65.574.633.259	30.136.806.356	276.713.277.064					
Tăng vốn trong năm nay (**)	18.058.180.000	-	-	-	-	18.058.180.000					
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	9.252.475.608	9.252.475.608					
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	1.505.702.468	(29.800.219.804)	(28.294.517.336)					
Số dư cuối năm nay	198.868.710.000	508.431.449	(317.124.000)	67.080.335.727	9.589.062.160	275.729.415.336					

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 147/2025/NQ-DHĐCĐ ngày 25/04/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024	100,00	30.114.049.356
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00	1.505.702.468
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00	3.011.404.936
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt (tỉ lệ 4% vốn điều lệ)	23,99	7.224.932.400
Chi cổ tức bằng cổ phiếu (Tỷ lệ 10% vốn điều lệ) (**)	59,97	18.058.180.000
Lợi nhuận chưa phân phối	1,04	313.829.552

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(**) Công ty thực hiện việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024, cụ thể như sau:

- Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 1.806.233 cổ phiếu, trong đó:
- + Số cổ phiếu phân phối cho cổ đông theo tỷ lệ: 1.805.818 cổ phiếu cho 881 cổ đông;
- + Số cổ phiếu xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ: 415 cổ phiếu. (đã hủy bỏ theo phương án xử lý phần lẻ cổ phiếu);
- Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành (ngày 31/07/2025): 19.886.871 cổ phiếu, trong đó:
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 19.868.149 cổ phiếu;
- + Số lượng cổ phiếu quỹ: 18.722 cổ phiếu.

Ngày 10/09/2025 Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh thông báo về việc giao dịch chứng khoán thay đổi đăng ký niêm yết đối với số lượng chứng khoán phát hành thêm. Theo đó, ngày hiệu lực của việc thay đổi niêm yết là 08/09/2025 và ngày chính thức giao dịch đối với số chứng khoán thay đổi niêm yết là 19/09/2025.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm VND	Tỷ lệ	Đầu năm VND
Công ty CP Hòn Ngọc Á Châu	0,00%	-	4,58%	8.280.000.000
Ông Trần Quang Huy	24,59%	48.898.670.000	24,59%	44.453.352.000
Bà Phan Đỗ Hạnh	13,99%	27.825.600.000	13,99%	25.296.000.000
Công ty TNHH Đầu tư tài sản Việt Leader	20,24%	40.260.000.000	20,24%	36.600.000.000
Cổ đông khác	41,08%	81.697.220.000	36,50%	65.993.958.000
Cổ phiếu quỹ	0,10%	187.220.000	0,10%	187.220.000
	100%	198.868.710.000	100%	180.810.530.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	198.868.710.000	180.810.530.000
- Vốn góp đầu năm	180.810.530.000	150.713.370.000
- Vốn góp tăng trong năm	18.058.180.000	30.097.160.000
- Vốn góp cuối năm	<u>198.868.710.000</u>	<u>180.810.530.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	229.046.727	229.046.727
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	25.283.112.400	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	25.283.112.400	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(7.220.145.200)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(7.220.145.200)	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	(18.058.180.000)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(18.058.180.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>233.833.927</u>	<u>229.046.727</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.886.871	18.081.053
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	19.886.871	18.081.053
- Cổ phiếu phổ thông	19.886.871	18.081.053
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	18.722	18.722
- Cổ phiếu phổ thông	18.722	18.722
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.868.149	18.062.331
- Cổ phiếu phổ thông	19.868.149	18.062.331
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

e) Các quỹ công ty

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	67.080.335.727	65.574.633.259
	<u>67.080.335.727</u>	<u>65.574.633.259</u>

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê đất tại số 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Diện tích khu đất thuê là 33.410 m². Theo đó Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo thông báo tiền thuê đất của cơ quan thuế.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	200,71	9.239,19

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất nhập khẩu Kiên Giang	233.874.352	233.874.352
Công ty TNHH Bao bì Sammiguél Yamamura	330.870.543	330.870.543
Các đối tượng khác	102.519.474	82.355.452

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	75.383.263.615	42.586.339.972
Doanh thu bán thành phẩm	324.008.052.856	399.231.348.232
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.898.647.121	25.283.231.307
Doanh thu khác	329.469.860	206.774.350
	<u>418.619.433.452</u>	<u>467.307.693.861</u>

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	533.953.900	701.869.440
	<u>533.953.900</u>	<u>701.869.440</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	287.636.086.999	342.283.936.034
Giá vốn của hàng hóa đã bán	66.808.484.135	38.841.230.994
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.509.806.820	29.946.940.366
	<u>376.954.377.954</u>	<u>411.072.107.394</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	12.760.340.112	1.545.006.161
Lãi bán các khoản đầu tư	-	17.935.200.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	26.666.400	39.999.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	64.728.502	447.621.061
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	4.948.739	286.465.299
	<u>12.856.683.753</u>	<u>20.254.292.121</u>

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.113.382.650	245.749.233
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	864.586.268	1.419.244.673
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	138.685.000	-
	<u>2.116.653.918</u>	<u>1.664.993.906</u>

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.183.393.662	3.943.410.149
Chi phí nhân công	2.654.112.363	3.015.638.103
Chi phí khấu hao tài sản cố định	125.890.236	125.890.236
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.024.894.251	2.894.745.928
Chi phí khác bằng tiền	2.832.112.228	4.588.619.720
	<u>11.820.402.740</u>	<u>14.568.304.136</u>

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	879.023.967	637.042.481
Chi phí nhân công	13.572.642.757	10.115.520.211
Chi phí khấu hao tài sản cố định	359.700.206	344.574.577
Thuế, phí, lệ phí	2.266.373.629	2.137.717.524
Chi phí dự phòng	4.477.096.991	4.306.303.261
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.020.653.998	3.496.191.285
Chi phí khác bằng tiền	1.228.872.234	868.992.266
	<u>28.804.363.782</u>	<u>21.906.341.605</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.860.912.736	37.796.035.365
Các khoản điều chỉnh tăng	1.207.939.303	653.894.281
- Chi phí không hợp lệ	1.207.939.303	653.894.281
Các khoản điều chỉnh giảm	(26.666.400)	(39.999.600)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(26.666.400)	(39.999.600)
Thu nhập chịu thuế TNDN	13.042.185.639	38.409.930.046
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.608.437.128	7.681.986.009
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.904.779.291	1.529.429.995
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.404.779.291)	(5.306.636.713)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.108.437.128	3.904.779.291

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	9.252.475.608	30.114.049.356
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.252.475.608	30.114.049.356
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	19.868.149	19.868.149
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	466	1.516

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	251.041.684.194	305.367.341.173
Chi phí nhân công	61.451.671.104	52.397.948.056
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.959.638.655	10.478.544.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.166.549.823	23.403.335.536
Chi phí khác bằng tiền	6.307.138.091	5.457.611.986
Chi phí dự phòng	4.477.096.991	4.306.303.261
	351.403.778.858	401.411.084.353

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Đầu tư dài hạn	-	1.833.315.000	-	1.833.315.000
	-	1.833.315.000	-	1.833.315.000
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư dài hạn	-	2.133.312.000	-	2.133.312.000
	-	2.133.312.000	-	2.133.312.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.845.159.345	-	-	36.845.159.345
Phải thu khách hàng, phải thu khác	61.085.325.660	5.250.000	-	61.090.575.660
Các khoản cho vay	106.178.104.109	-	-	106.178.104.109
	204.108.589.114	5.250.000	-	204.113.839.114



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	16.906.377.798	-	-	16.906.377.798
Phải thu khách hàng, phải thu khác	60.630.541.116	5.250.000	-	60.635.791.116
Các khoản cho vay	149.940.000.000	-	-	149.940.000.000
	227.476.918.914	5.250.000	-	227.482.168.914

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	37.315.013.748	-	-	37.315.013.748
Chi phí phải trả	4.429.647.465	-	-	4.429.647.465
	41.744.661.213	-	-	41.744.661.213

Tại ngày 01/01/2025

Phải trả người bán, phải trả khác	25.177.504.451	-	-	25.177.504.451
Chi phí phải trả	733.439.958	-	-	733.439.958
	25.910.944.409	-	-	25.910.944.409

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú,
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		3.296.116.064	1.469.139.861
Ông La Hoài Nam	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 25/11/2024)	2.011.764.526	192.665.237
Bà Phạm Thị Thuý Phương	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/06/2024)	-	60.000.000
Ông Vũ Trọng Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm làm thành viên HĐQT ngày 01/11/2024 và bổ nhiệm làm chủ tịch HĐQT ngày 25/11/2024)	1.059.351.538	418.451.225
Bà Bùi Thị Minh Tâm	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 01/11/2024)	-	40.000.000
Bà Dương Thị Thanh Tâm	Thành viên độc lập HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25/04/2025)	30.576.923	46.666.667
Bà Triệu Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/06/2024)	-	40.000.000
Bà Phan Đỗ Hạnh	Thành viên HĐQT	112.500.000	91.666.667
Bà Nguyễn Mai Thanh	Thành viên độc lập HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25/04/2025)	81.923.077	
Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 23/08/2024)	-	579.690.065
Thù lao của Ban kiểm soát		394.245.357	179.162.843

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Phạm Thị Thu Trang
Người lập
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2026**Nguyễn Nhất Linh**
Kế toán trưởng
La Hoài Nam
Tổng Giám đốc

FINANCIAL STATEMENTS

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

(audited)



CONTENTS

	Pages
Report of the Board of Management	02-03
Independent Auditors' report	04-05
Audited Financial Statements	06-34
Statement Of Financial Position	06-07
Statement Of Income	08
Statement Of Cash Flows	09-10
Notes to the Financial Statements	11-34

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of My Chau Printing & Packaging Holdings Company (“the Company”) presents its report and the Company’s Financial Statements for the fiscal year ended as at 31 December 2025.

THE COMPANY

My Chau Printing & Packaging Holdings Company is an enterprise equitized from My Chau Food Export Factory under Decision No. 207/1998/QD/BNN-TCCB dated 10 December 1998 of the Minister of Agriculture and Rural Development. The company operates under the Certificate of Business Registration of a joint stock company with enterprise code No. 0301671386, firstly registered on 5 March 1999 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City (now the Ho Chi Minh City Department of Finance) issued, registered the 15th amendment on 5 November 2025.

The Company’s head office is located at: 18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City.

BOARD OF DIRECTOR, BOARD OF MANAGEMENT, AND BOARD OF SUPERVISION

Members of The Board of Director during the fiscal year and to the reporting date are:

Mr. Vu Trong Tuan	Chairman	
Mrs. Phan Do Hanh	Member	
Mrs. Nguyen Mai Thanh	Independent Member	Appointed on 25 April 2025
Mrs. Duong Thi Thanh Tam	Independent Member	Resigned on 25 April 2025

Members of the Board of Management during the fiscal year and to the reporting date are:

Mr. La Hoai Nam	General Director
-----------------	------------------

Members of the Board of Supervision are:

Mrs. Chu Thi Phuong Anh	The Chief Controller
Mr. Le Van Toi	Member
Mrs. Le Thi Thanh Hang	Member

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Company during the year and until the preparation of this Financial Statement is Mr. La Hoai Nam - General Director

AUDITORS

The auditors of the AASC Auditing Firm Company Limited have taken the audit of Financial Statements for the Company.

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT’S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE FINANCIAL STATEMENTS

The Board of Management is responsible for the Financial Statements which give a true and fair view of the financial position of the Company; its operating results and its cash flows for the year. In preparing those Financial Statements, the Board of Management is required to:

- Establish and maintain an internal control system which is determined necessary by The Board of Management and Board of Director to ensure the preparation and presentation of Financial Statements do not contain any material misstatement caused by errors or frauds;
- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the Financial Statements;

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City

- Prepare the Financial Statements on the basis of compliance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of Financial Statements;
- Prepare the Financial Statements on going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

The Board of Management is responsible for ensuring that accounting records are kept to reflect the financial position of the Company, with reasonable accuracy at anytime and to ensure that the Financial Statements comply with the current State's regulations. It is responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of Management confirms that the Financial Statements give a true and fair view of the financial position at 31 December 2025, its operation results and cash flows in the year 2025 of Company in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of Financial Statements.

Other commitments

The Board of Management pledges that the Company complies with Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 on detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Securities and the Company does not violate the obligations of information disclosure in accordance with the regulations of the Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 issued by the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on Securities Market.

On behalf of The Board of Management



La Hoài Nam
General Director

Ho Chi Minh City, 30 March 2026



No.: 300326.007/BCTC.KT2

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

**To: Shareholders, Board of Director and Board of Management
My Chau Printing & Packaging Holdings Company**

We have audited the accompanying Financial Statements of My Chau Printing & Packaging Holdings Company prepared on 30 March 2026 from page 06 to page 34, including: Statement Of Financial Position as at 31 December 2025, Statement Of Income, Statement Of Cash Flows and Notes to the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025.

Board of Management' Responsibility

The Board of Management is responsible for the preparation and presentation of Financial Statements that give a true and fair view in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of Financial Statements and for such internal control as directors determines is necessary to enable the preparation and presentation of Financial Statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with standards and ethical requirements; plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Financial Statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Financial Statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Financial Statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's preparation and presentation of Financial Statements that give a true and fair view in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Handwritten red stamp: 11/01/2026

Handwritten red stamp: Y. N. O. B. I. U. CHIT

Auditor's opinion

In our opinion, the Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the Financial Position of My Chau Printing & Packaging Holdings Company as at 31 December 2025, its operating results and its cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of Financial Statements.

AASC Auditing Firm Company Limited



A blue ink signature of Nguyen Trung Kien.

Nguyen Tuan Anh
Audit Director
Certificate of registration to audit practice
No: 1369-2023-002-1

Nguyen Trung Kien
Auditor
Certificate of registration to audit practice
No: 5136-2025-002-1

Hanoi, 30 March 2026



STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 December 2025

Code	ASSETS	Note	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. CURRENT ASSETS		306,017,017,062	294,219,098,541
110	I. Cash and cash equivalents	3	36,845,159,345	16,906,377,798
111	1. Cash		36,845,159,345	15,906,377,798
112	2. Cash equivalents		-	1,000,000,000
120	II. Short-term investments	4	38,000,000,000	85,000,000,000
123	1. Held to maturity investments		38,000,000,000	85,000,000,000
130	III. Short-term receivables		140,407,924,872	129,503,587,107
131	1. Short-term trade receivables	5	59,846,625,793	65,496,808,725
132	2. Short-term prepayments to suppliers	6	11,144,495,103	3,933,045,991
135	3. Short-term loan receivables	7	68,178,104,109	64,940,000,000
136	4. Other short-term receivables	8	11,259,971,989	643,291,977
137	5. Provision for short-term doubtful debts		(10,021,272,122)	(5,509,559,586)
140	IV. Inventories	10	84,843,085,868	61,637,465,146
141	1. Inventories		84,843,085,868	61,637,465,146
150	V. Other short-term assets		5,920,846,977	1,171,668,490
151	1. Short-term prepaid expenses	12	413,108,115	1,110,059,023
152	2. Deductible VAT		325,512,156	-
153	3. Taxes and other receivables from State budget	15	5,182,226,706	61,609,467
200	B. NON-CURRENT ASSETS		19,290,856,113	23,476,402,417
210	I. Long-term receivables		5,250,000	5,250,000
216	1. Other long-term receivables	8	5,250,000	5,250,000
220	II. Fixed assets		11,450,366,490	17,047,423,327
221	1. Tangible fixed assets	11	11,450,366,490	17,047,423,327
222	- Historical costs		363,222,090,570	362,859,508,752
223	- Accumulated depreciation		(351,771,724,080)	(345,812,085,425)
250	V. Long-term investments	4	1,833,315,000	1,972,000,000
253	1. Equity investments in other entities		1,972,000,000	1,972,000,000
254	2. Provision for devaluation of long-term investments		(138,685,000)	-
260	VI. Other long-term assets		6,001,924,623	4,451,729,090
261	1. Long-term prepaid expenses	12	6,001,924,623	4,451,729,090
270	TOTAL ASSETS		325,307,873,175	317,695,500,958

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 December 2025

(continue)

Code	CAPITAL	Note	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. LIABILITIES		49,578,457,839	40,982,223,894
310	I. Current liabilities		49,578,457,839	40,982,223,894
311	1. Short-term trade payables	13	28,013,689,205	16,025,364,090
312	2. Short-term prepayments from customers	14	981,755,673	275,540,370
313	3. Taxes and other payables to State budget	15	1,278,041,782	5,737,038,589
314	4. Payables to employees		3,803,039,256	8,454,656,357
315	5. Short-term accrued expenses	16	4,429,647,465	733,439,958
319	6. Other short-term payments	17	9,301,324,543	9,152,140,361
322	7. Bonus and welfare fund		1,770,959,915	604,044,169
400	D. OWNER'S EQUITY		275,729,415,336	276,713,277,064
410	I. Owner's equity	19	275,729,415,336	276,713,277,064
411	1. Contributed capital		198,868,710,000	180,810,530,000
411a	Ordinary shares with voting rights		198,868,710,000	180,810,530,000
412	2. Share Premium		508,431,449	508,431,449
415	3. Treasury shares		(317,124,000)	(317,124,000)
418	4. Development and investment funds		67,080,335,727	65,574,633,259
421	5. Retained earnings		9,589,062,160	30,136,806,356
421a	Retained earnings accumulated to previous year		336,586,552	22,757,000
421b	Retained earnings of the current year		9,252,475,608	30,114,049,356
440	TOTAL CAPITAL		325,307,873,175	317,695,500,958

Pham Thi Thu Trang

Nguyen Nhat Linh



Pham Thi Thu Trang
Preparer

Nguyen Nhat Linh
Chief Accountant

La Hoai Nam
General Director

Ho Chi Minh City, 30 March 2026

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

STATEMENT OF INCOME

Year 2025

Code	ITEM	Note	Year 2025	Year 2024
			VND	VND
01	1. Revenue from sales of goods and rendering of services	21	418,619,433,452	467,307,693,861
02	2. Revenue deductions	22	533,953,900	701,869,440
10	3. Net revenue from sales of goods and rendering of services		418,085,479,552	466,605,824,421
11	4. Cost of goods sold and services rendered	23	376,954,377,954	411,072,107,394
20	5. Gross profit from sales of goods and rendering of services		41,131,101,598	55,533,717,027
21	6. Financial income	24	12,856,683,753	20,254,292,121
22	7. Financial expenses	25	2,116,653,918	1,664,993,906
23	<i>In which: Interest expenses</i>		1,113,382,650	245,749,233
25	8. Selling expenses	26	11,820,402,740	14,568,304,136
26	9. General and administrative expenses	27	28,804,363,782	21,906,341,605
30	10. Net profit from operating activities		11,246,364,911	37,648,369,501
31	11. Other income		645,082,894	383,019,694
32	12. Other expenses		30,535,069	235,353,830
40	13. Other profit		614,547,825	147,665,864
50	14. Total net profit before tax		11,860,912,736	37,796,035,365
51	15. Current corporate income tax expense	28	2,608,437,128	7,681,986,009
52	16. Deferred corporate income tax expense		-	-
60	17. Profit after corporate income tax		9,252,475,608	30,114,049,356
70	18. Basic earnings per share	29		1,516

Pham Thi Thu Trang
Preparer

Nguyen Nhat Linh
Chief Accountant

La Hoai Nam
General Director

Ho Chi Minh City, 30 March 2026

STATEMENT OF CASH FLOWS

Year 2025
(Indirect method)

Code ITEM	Note	Year 2025	Year 2024
		VND	VND
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
01	1. Profit before tax	11,860,912,736	37,796,035,365
	2. Adjustments for		
02	- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties	5,959,638,655	10,478,544,341
03	- Provisions	4,650,397,536	4,306,303,261
04	- Exchange gains / losses from retranslation of monetary items denominated in foreign currency	(4,948,739)	(286,465,299)
05	- Gains/losses from investment activities	(12,787,006,512)	(19,520,205,761)
06	- Interest expense	1,113,382,650	245,749,233
08	3. Operating profit before changes in working capital	10,792,376,326	33,019,961,140
09	- Increase/decrease in receivables	(13,434,112,598)	21,147,569,559
10	- Increase/decrease in inventories	(23,205,620,722)	48,187,860,826
11	- Increase/decrease in payables (excluding interest payable/ corporate income tax payable)	10,225,821,901	(3,071,203,349)
12	- Increase/decrease in prepaid expenses	(853,244,625)	2,075,843,936
14	- Interest paid	(1,113,382,650)	(536,851,122)
15	- Corporate income tax paid	(5,404,779,291)	(5,306,636,713)
17	- Other payments on operating activities	(1,901,489,190)	(2,070,736,000)
20	Net cash flows from operating activities	(24,894,430,849)	93,445,808,277
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
21	1. Purchase or construction of fixed assets and other long-term assets	(362,581,818)	(1,569,840,160)
23	2. Loans and purchase of debt instruments from other entities	(153,300,000,000)	(149,940,000,000)
24	3. Collection of loans and resale of debt instrument of other entities	200,300,000,000	25,000,000,000
26	4. Proceeds from equity investment in other entities	-	64,946,800,000
27	5. Interest and dividend received	5,415,939,414	2,022,179,730
30	Net cash flows from investing activities	52,053,357,596	(59,540,860,430)
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
33	1. Proceeds from borrowings	47,192,140,212	5,764,790,764
34	2. Repayment of principal	(47,192,140,212)	(33,923,865,678)
36	3. Dividends or profits paid to owners	(7,220,145,200)	-
40	Net cash flows from financing activities	(7,220,145,200)	(28,159,074,914)

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

STATEMENT OF CASH FLOWS

Year 2025
(Indirect method)

Code ITEM	Note	Year 2025	Year 2024
		VND	VND
50	Net cash flows in the year	19,938,781,547	5,745,872,933
60	Cash and cash equivalents at beginning of the year	16,906,377,798	11,160,504,865
70	Cash and cash equivalents at end of the year	36,845,159,345	16,906,377,798

Pham Thi Thu Trang

Nguyen Nhat Linh



Pham Thi Thu Trang
Preparer

Nguyen Nhat Linh
Chief Accountant

La Hoai Nam
General Director

Ho Chi Minh City, 30 March 2026



NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

Year 2025

1 . GENERAL INFORMATION

Form of ownership

My Chau Printing & Packaging Holdings Company is an enterprise equitized from My Chau Food Export Factory under Decision No. 207/1998/QD/BNN-TCCB dated 10 December 1998 of the Minister of Agriculture and Rural Development. The company operates under the Certificate of Business Registration of a joint stock company with enterprise code No. 0301671386, firstly registered on 5 March 1999 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City (now the Ho Chi Minh City Department of Finance) issued, registered the 15th amendment on 5 November 2025.

The Company's head office is located at: 18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City.

Company's Charter capital: VND 198,868,710,000. Actual charter capital as at 31 December 2025 is VND 198,868,710,000; equivalent to 198,868,710 shares with the price of VND 10.000 per share.

The number of employees of the Company as at 31 December 2025 is 279 people (as at 01 January 2025: 264 people).

Business field

Printing and manufacturing of metal packaging.

Business activities

Main business activities of the Company include:

- Production and processing of all kinds of metal packaging;
- Rental services of yards, factories, warehouses under the Company's use;
- Printing and coating varnish on iron sheets;
- Wholesale of materials and chemicals using printing technology on iron sheets;
- Wholesale of iron sheets, aluminum sheets (in rolls and sheets);
- Export, import, export rights, import rights of machinery, equipment and spare parts used in the fields of: printing and coating varnish on iron sheets;
- Trading in agricultural and forestry raw materials (except wood, bamboo, rattan) and live animals;
- Installation of industrial machinery and equipment.

2 . ACCOUNTING SYSTEM AND ACCOUNTING POLICY

2.1 . Accounting period and accounting currency

Annual accounting period commences from 01 January and ends as at 31 December.

The Company maintains its accounting records in Vietnam Dong (VND).



2.2 . Standards and Applicable Accounting Policies

Applicable Accounting Policies

The Company applies Corporate Accounting System issued under the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 by the Ministry of Finance and the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 issued by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of the Circular No. 200/2014/TT-BTC.

Declaration of compliance with Accounting Standards and Accounting System

The Company applies Vietnamese Accounting Standards and supplementary documents issued by the State. Financial Statements are prepared and presented in accordance with regulations of each standard and supplementary document as well as with current Accounting Standards and Accounting System.

2.3 . Accounting estimates

The preparation of Financial Statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and legal regulations relating to financial reporting requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of liabilities, assets and disclosures of contingent liabilities and assets at the date of the financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the fiscal year.

The estimates and assumptions that have a material impact in the Financial Statements include:

- Provision for doubtful debts;
- Provision for devaluation of inventory;
- Estimated allocation of prepaid expenses;
- Estimated useful life of fixed assets;
- Classification and provision of financial investments;
- Estimated income tax.

Such estimates and assumptions are continually evaluated. They are based on historical experience and other factors, including expectations of future events that may have a financial impact on the Company and that are assessed by the Board of Management to be reasonable under the circumstances.

2.4 . Financial Instruments

Initial recognition

Financial assets

Financial assets of the Company include cash, cash equivalents, trade receivables, other receivables, lending loans, long-term and short-term investments. At initial recognition, financial assets are identified by purchasing price/issuing cost plus other expenses directly related to the purchase and issuance of those assets.

Financial liabilities

Financial liabilities of the Company include borrowings, trade payables, other payables and accrued expenses. At initial recognition, financial liabilities are determined by issuing price plus other expenses directly related to the issuance of those liabilities.

Subsequent measurement after initial recognition

Financial assets and financial liabilities are not revalued according to fair value at the end of the year because the Circular No.210/2009/TT-BTC and prevailing statutory regulations require to present Financial statements and Notes to financial instruments but not provide any relevant instruction for assessment and recognition of fair value of financial assets and financial liabilities.

2.5 . Foreign currency transactions

Foreign currency transactions during the year are translated into Vietnam Dong using the actual rate at transaction date.

Actual exchange rate when revaluating monetary items denominated in foreign currencies at the reporting date of the Financial Statements is determined under the following principles:

- For asset accounts, applying the bid rate of the commercial bank where the Company regularly conducts transaction;
- For cash deposited in bank, applying the bid rate of the commercial bank where the Company opens its foreign currency accounts;
- For liability accounts, applying the offer rate of the commercial bank where the Company regularly conducts transaction.

All exchange differences arising as a result of transactions or revaluation at the balance sheet date shall be recorded into the financial income or expense in the year.

2.6 . Cash

Cash comprises demand deposits.

2.7 . Financial investments

Investments held to maturity comprise term deposits held to maturity to earn profits periodically

Investments in other entities comprise investments in equity instruments of other entities without having control, joint control, or significant influence on the investee. These investments are initially stated at original cost. After initial recognition, these investments are measured at original cost less provision for devaluation of investments.

Provision for devaluation of investments is made at the end of the year as follows:

- With regard to long-term investments (other than trading securities) without significant influence on the investee the provision shall be made based on the Financial Statements at the provision date of the investee;
- With regard to investments held to maturity: the provision for doubtful debts shall be made based on the recovery capacity in accordance with statutory regulations.

2.8 . Receivables

The receivables shall be recorded in details in terms of due date, entities receivable, types of currency and other factors according to requirements for management of the Company. The receivables shall be classified into short-term receivables or long-term receivables on the financial statements according to their remaining terms at the reporting date.

The provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue under an economic contract, a loan agreement, a contractual commitment or a promissory note and for receivables that are not due but difficult to be recovered. Accordingly, the provisions for overdue debts shall be based on the due date stipulated in the initial sale contract, exclusive of the debt rescheduling between contracting parties and the case where the debts are not due but the debtor is in bankruptcy, in dissolution, or missing and making fleeing or estimating the possible losses.

2.9 . Inventories

Inventories are initially recognized at original cost including purchase price, processing cost and other costs incurred in bringing the inventories to their location and condition at the time of initial recognition. After initial recognition, at the reporting date, inventories are stated at the lower of cost and net realizable value.

Net realizable value is estimated based on the selling price of the inventory minus the estimated costs for completing the products and the estimated costs needed for their consumption.

The cost of inventory is calculated using weighted average method.

Inventory is recorded by perpetual method.

Provision for devaluation of inventories made at the end of the period is based on the excess of original cost of inventory over their net realizable value.

2.10 . Fixed assets

Tangible fixed assets are initially stated at the historical cost. During the using time, tangible fixed assets are recorded at cost, accumulated depreciation and carrying amount.

Subsequent measurement after initial recognition

If these costs aument future economic benefits obtained from the use of tangible fixed assets are extended to their initial standards conditions, these costs are capitalized as an incremental in their historical cost.

Other costs incurred after tangible fixed assets have been put into operation such as repair, maintenance and overhaul costs are recognized in the Statement of Income in the period in which the costs are incurred.

Fixed assets are amortised using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

- Buildings, structures	05 - 10 years
- Machine, equipment	05 - 10 years
- Vehicles, Transportation equipment	06 - 10 years
- Office equipment and furniture	03 - 05 years
- Other fixed assets	03 - 05 years

2.11 . Operating lease

Operating leases is fixed asset leasing in which a significant portion of the risks and rewards of ownership are retained by the lessor. Payments made under operating leases are charged to Statement of Income on a straight-line basis over the period of the lease.

2.12 . Prepaid expenses

The expenses incurred but related to operating results of several accounting periods are recorded as prepaid expenses and are allocated to the operating results in the following accounting periods.

The calculation and allocation of long-term prepaid expenses to operating expenses in each accounting period should be based on the nature of those expenses to select a reasonable allocation method and criteria. Prepaid expenses are allocated gradually into operating expenses on the straight-line basis.

Types of prepaid expenses include:

- Tools and supplies include assets which are possessed by the Company in an ordinary course of business, with historical cost of each asset less than 30 million dong and therefore not eligible for recording as fixed asset under current legal regulations. The historical cost of tools and supplies are allocated on the straight-line basis from 02 to 36 months.
- Major repair costs are recognized at original cost and amortized using the straight-line method over a useful life of 12 to 36 months.
- Other prepaid expenses are recorded at their historical costs and allocated on the straight-line basis from 02 to 36 months.

2.13 . Payables

The payables shall be recorded in details in terms of due date, entities payable, types of currency and other factors according to the requirements for management of the Company. The payables shall be classified into short-term payables or long-term payables on the financial statements according to their remaining terms at the reporting date.

2.14 . Borrowings

Borrowings shall be recorded in details in terms of lending entities, loan agreement and terms of borrowings.

2.15 . Borrowing costs

Borrowing costs are recognized as operating expenses in the year, in which it is incurred excepting those which are directly attributable to the construction or production of a qualifying asset are capitalized as part of the cost of that asset in accordance with VAS No. 16 "Borrowing costs". Besides, regarding borrowings serving the construction of fixed assets and investment properties, the interests shall be capitalized even when the construction duration is under 12 months.

2.16 . Accrued expenses

Accrued expenses include payables to goods or services received from the suppliers or provided for the customers during the reporting period, but the payments for such goods or services have not been made and other payables such as interest expenses, sales commission accrual, etc. which are recorded as operating expenses of the reporting year.

The recording of accrued expenses as operating expenses during the year shall be carried out under the matching principle between revenues and expenses during the year. Accrued expenses are settled with actual expenses incurred. The difference between accrued and actual expenses is reverted.

2.17 . Owner's equity

Owner's equity is stated at actually contributed capital of owners.

Share premium is recorded at the difference between the par value with costs directly attributable to the issuance of shares and issue price of shares (including the case of re-issuing treasury shares) and can be a positive premium (if the issue price is higher than par value and costs directly attributable to the issuance of shares) or negative premium (if the issue price is lower than par value and costs directly attributable to the issuance of shares).

Treasury shares bought before the effective date of the Securities Law 2019 (January 1, 2021) are shares issued by the Company and bought-back by itself, but these are not cancelled and may be re-issued subsequently in accordance with the Law on Securities. Treasury shares bought after January 1, 2021 will be cancelled and adjusted to reduce equity.

Retained earnings are used to present the Company's operating results (profit, loss) after corporate income tax and profits appropriation or loss handling of the Company.

Dividends payable to shareholders are recognized as a liability on the Company's Balance Sheet after the Company's Board of Director announces the dividend distribution and the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation announces the record date for receiving dividends.

2.18 . Revenue

Revenue is recognized to extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Company and the revenue can be reliably measures regardless of when payment is being made. Revenue is measured at the fair value of the consideration received, excluding discounts, rebates, and sales returns. The following specific recognition conditions must also be met when recognizing revenue:

Revenue from sale of goods

- The majority of risks and benefits associated with the right to own the products or goods have been transferred to the buyer;
- The company no longer holds the right to manage the goods as the goods owner, or the right to control the goods;

Revenue from rendering of services:

- The percentage of completion of the transaction at the Balance Sheet date can be measured reliably.

Financial income

Financial incomes include income from assets yielding interest, royalties, dividends and other financial gains by the company shall be recognised when the two conditions are satisfied:

- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company; and
- The amount of the revenue can be measured reliably.

2.19 . Revenue deductions

Revenue deductions from sales of goods and rendering of services arising in the year include: Sales returns.

Sales return incurred in the same period of sale of goods and rendering of services are recorded as a decrease in revenue in the incurring period. In case goods and services are sold in the previous periods, but until the next period they are incurred as deductible items, the Company records the decrease in revenue under the following principles: If it is incurred prior to the issuance of Financial Statements, it is then recorded as a decrease in revenue on the Financial Statements of the reporting period (the previous period); and if it is incurred after the issuance of Financial Statements, it is recorded as a decrease in revenue of incurring period (the next period).

2.20 . Cost of goods sold and services rendered

Cost of goods sold and services rendered are cost of finished goods, merchandises, materials sold or services rendered during the year, and recorded on the basis of matching with revenue and on a prudence basis. Cases of loss of materials and goods exceeded the norm, labour cost and fixed manufacturing overheads not allocated to the value of inventory, provision for devaluation of inventory, abnormal expenses and losses of inventories after deducting the responsibility of collective and individuals concerned, etc. is recognized fully and promptly into cost of goods sold in the year even when products and goods have not been determined as sold.



MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

2.21 . Financial expenses

Items recorded into financial expenses comprise:

- Borrowing costs;
- Losses incurred when selling foreign currency, exchange rate losses, etc.

The above items are recorded by the total amount arising in the year without offsetting against financial income.

2.22 . Corporate income tax**a) Current corporate income tax expenses**

Current corporate income tax expenses are determined based on taxable income during the period and current corporate income tax rate.

b) Current corporate income tax rate

The fiscal year ended as at 31 December 2025, the Company applies the corporate income tax rate of 20% for the operating activities which has taxable income.

2.23 . Earnings per share

Basic earnings per share are calculated by dividing net profit or loss after tax for the year attributable to ordinary shareholders of the Company (after adjusting for the bonus and welfare fund and allowance for Board of Management) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

2.24 . Related Parties

The parties are regarded as related parties if that party has the ability to control or significantly influence the other party in making decisions about the financial policies and activities. The Company's related parties include:

- Companies, directly or indirectly through one or more intermediaries, having control over the Company or being under the control of the Company, or being under common control with the Company, including the Company's parent, subsidiaries and associates;
- Individuals, directly or indirectly, holding voting power of the Company that have a significant influence on the Company, key management personnel including directors and employees of the Company, the close family members of these individuals;
- Enterprises that the above-mentioned individuals directly or indirectly hold an important part of the voting power or have significant influence on these enterprises.

In considering the relationship of related parties to serve for the preparation and presentation of Financial Statements, the Company should consider the nature of the relationship rather than the legal form of the relationship.

2.25 . Segment information

The Company's main business activities are manufacturing and processing metal packaging and mainly take place in Vietnam, so the Company does not prepare segment reports by business segment and geographical segment.

3 . CASH AND CASH EQUIVALENTS

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Demand deposits	36,845,159,345	15,906,377,798
Cash equivalents	-	1,000,000,000
	<u><u>36,845,159,345</u></u>	<u><u>16,906,377,798</u></u>

030
CÔNG
CỐ VÀ
MỸ
PHU

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

4 . FINANCIAL INVESTMENTS

a) Held to maturity investments

	31/12/2025		01/01/2025	
	Original cost VND	Provision VND	Original cost VND	Provision VND
- Term deposits	38,000,000,000	-	85,000,000,000	-
	38,000,000,000	-	85,000,000,000	-

As at 31 December 2025, the held-to-maturity investments are deposit contracts at Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch with a term of 6 months with interest rates from 5.6%/year to 5.8%/year.

b) Investments in equity of other entities

	31/12/2025		01/01/2025	
	Original cost VND	Fair value VND	Provision VND	Original cost VND
- Vegetable and Fruit Port Joint Stock Company (VGP) (*)	1,972,000,000	1,833,315,000	(138,685,000)	1,972,000,000
	1,972,000,000	1,833,315,000	(138,685,000)	1,972,000,000

(*) The fair value of this financial investments is determined based on the closing price at the date of preparation of the Financial Statements on HNX as at 31 December 2025 and 31 December 2024.

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

5 . SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	31/12/2025		01/01/2025	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
<i>Others</i>				
- Blue Sea Canned Food Joint Stock Company	11,185,722,434	(6,644,260,633)	11,185,722,434	(3,834,252,805)
- KG Trading Joint Stock Company	4,829,020,049	-	6,779,128,094	-
- HiepPhat Paint Co.Ltd	5,343,878,375	-	6,548,449,038	-
- TP Canned Food Joint Stock Company	5,098,340,806	-	6,164,679,290	-
Others	33,389,664,129	(3,377,011,489)	34,818,829,869	(1,675,306,781)
	59,846,625,793	(10,021,272,122)	65,496,808,725	(5,509,559,586)

6 . SHORT-TERM PREPAYMENTS TO SUPPLIERS

	31/12/2025		01/01/2025	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
<i>Others</i>				
JIANGSU YOUFU SHEET TECHNOLOGY CO., LTD.	11,144,495,103	-	3,933,045,991	-
BAOSTEEL SINGAPORE PTE. LTD.,	6,027,498,198	-	160,110,720	-
SHENZHEN LINGHENG CO., LTD	2,140,928,770	-	-	-
T.K.C Service Trading Company Limited	1,562,650,000	-	-	-
Others	1,413,418,135	-	1,285,780,746	-
	11,144,495,103	-	3,933,045,991	-

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

7 . SHORT - TERM LOAN RECEIVABLES

	01/01/2025		During the year		31/12/2025	
	Value	Provision	Increase	Decrease	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Others</i>						
- Quynh Luong Urban Development and Investment Joint Stock Company	64,940,000,000	-	3,238,104,109	-	68,178,104,109	-
	64,940,000,000	-	3,238,104,109	-	68,178,104,109	-

Details regarding short term loans:

Loan Agreement No. 2006/HDVV/MCP-QL dated 20 June 2025 and Loan Agreement No. 2506/HDVV/MCP-QL dated 25 June 2025 between My Chau Printing and Packaging Joint Stock Company and Quynh Luong Urban Investment and Development Joint Stock Company, with the following detailed terms:

- Total loan amount: VND 68,178,104,109;
- Loan purpose: For business needs;
- Contract term: 06 months from the date of signing the contract; The borrower repaid the loan principal and interest in January 2026.
- Loan interest rate: 10%/year
- Principal balance at the end of the year: VND 68,178,104,109;
- Loan security forms: Credit.



MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

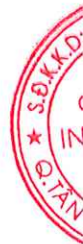
18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

8 . OTHER RECEIVABLES

	31/12/2025		01/01/2025	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
a) Short-term				
a.1) Details by content				
Receivables from interest of deposit, loan	4,132,962,989	-	-	-
Receivables from social insurance	14,373,798	-	9,332,266	-
Receivables from health insurance	12,632,906	-	9,268,433	-
Receivables from unemployment	46,310	-	-	-
Advances	30,736,000	-	15,536,455	-
Mortgages	6,600,000,000	-	-	-
Others	469,219,986	-	609,154,823	-
	11,259,971,989	-	643,291,977	-
a.2) Detail by object				
Quynh Luong Urban Development and Investment Joint Stock Company	3,418,245,181	-	-	-
Sai Gon - Ha Noi Commercial Joint Stock Bank	714,717,808	-	-	-
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam.	6,600,000,000	-	-	-
Others	527,009,000	-	643,291,977	-
	11,259,971,989	-	643,291,977	-
b) Long-term				
Mortgages	5,250,000	-	5,250,000	-
	5,250,000	-	5,250,000	-



MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

9 . DOUBTFUL DEBTS

	31/12/2025		01/01/2025	
	Original cost	Recoverable value	Original cost	Recoverable value
	VND	VND	VND	VND
Total value of receivables and debts that are overdue or not due but difficult to be recovered				
- An Co Family Food Joint Stock Company	278,296,120	-	418,296,120	153,488,836
- Blue Sea Canned Food Joint Stock Company	11,185,722,434	4,541,461,801	9,276,177,962	5,441,925,157
- Others	6,249,950,425	3,151,235,056	3,697,055,034	2,286,555,537
	17,713,968,979	7,692,696,857	13,391,529,116	7,881,969,530

10 . INVENTORIES

	31/12/2025		01/01/2025	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Goods in transit	2,796,595,048	-	-	-
Raw material	64,259,616,502	-	44,224,244,175	-
Tools, supplies	1,799,540,921	-	2,059,006,091	-
Finished goods	15,987,333,397	-	15,354,214,880	-
	84,843,085,868	-	61,637,465,146	-



MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

11 . TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings, structures	Machinery, equipment	Vehicles, transportation equipment	Management equipment	Others	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Historical cost						
Beginning balance	10,667,980,186	343,245,742,078	7,435,141,700	863,213,045	647,431,743	362,859,508,752
- Purchase in the year	-	250,000,000	-	112,581,818	-	362,581,818
Ending balance of the year	10,667,980,186	343,495,742,078	7,435,141,700	975,794,863	647,431,743	363,222,090,570
Accumulated depreciation						
Beginning balance	10,156,242,810	328,568,519,907	5,954,221,469	812,232,001	320,869,238	345,812,085,425
- Depreciation for the year	107,686,356	5,469,340,589	303,552,072	31,559,642	47,499,996	5,959,638,655
Ending balance of the year	10,263,929,166	334,037,860,496	6,257,773,541	843,791,643	368,369,234	351,771,724,080
Net carrying amount						
Beginning balance	511,737,376	14,677,222,171	1,480,920,231	50,981,044	326,562,505	17,047,423,327
Ending balance	404,051,020	9,457,881,582	1,177,368,159	132,003,220	279,062,509	11,450,366,490

In which:

- Cost of fully depreciated tangible fixed assets but still in use at the end of the year: VND 338,215,588,722

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

12 . PREPAID EXPENSES

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Short-term		
Insurance costs	52,735,795	626,720,715
Dispatched tools and supplies	252,875,337	307,276,812
Others	107,496,983	176,061,496
	<u>413,108,115</u>	<u>1,110,059,023</u>
b) Long-term		
Dispatched tools and supplies	4,440,592,227	3,767,788,408
Major factory repair costs	1,201,747,123	666,094,558
Others	359,585,273	17,846,124
	<u>6,001,924,623</u>	<u>4,451,729,090</u>

13 . SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	31/12/2025		01/01/2025	
	Outstanding balance	Amount can be paid	Outstanding balance	Amount can be paid
	VND	VND	VND	VND
<i>Others</i>				
HENKEL SINGAPORE PTE. LTD	640,855,592	640,855,592	3,786,106,298	3,786,106,298
CANCOAT (VIETNAM) COMPANY LIMITED	2,469,312,000	2,469,312,000	1,794,146,086	1,794,146,086
GCM Packaging (Vietnam) Co., Ltd.	371,172,672	371,172,672	2,269,609,346	2,269,609,346
Easy Open Lid Industry Corp Yiwu	11,143,635,208	11,143,635,208	-	-
AUSTIN MULTI- TRADE	8,515,461,511	8,515,461,511	-	-
Others	4,873,252,222	4,873,252,222	8,175,502,360	8,175,502,360
	<u>28,013,689,205</u>	<u>28,013,689,205</u>	<u>16,025,364,090</u>	<u>16,025,364,090</u>

14 . SHORT-TERM PREPAYMENTS FROM CUSTOMERS

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Huong Giang Canned Food Processing Facility	362,272,456	-
Natural Farm Group Co.,Ltd	161,963,600	-
Others	457,519,617	275,540,370
	<u>981,755,673</u>	<u>275,540,370</u>

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

15 . TAX AND OTHER PAYABLES TO THE STATE BUDGET

	Receivable at the	Payable at the	Payable arise in the	Amount paid in the	Receivable at the	Payable at the
	opening year	opening year	year	year	closing year	closing year
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Value added tax	-	1,631,315,153	26,250,373,317	27,881,688,470	-	-
Export, import duties	-	-	1,205,751,057	1,545,135,162	339,384,105	-
Corporate income tax	-	3,904,779,291	2,608,437,128	5,404,779,291	-	1,108,437,128
Personal income tax	58,609,467	200,944,145	1,582,150,861	1,694,543,536	139,662,651	169,604,654
Land tax and land rental	-	-	11,067,678,875	15,770,858,825	4,703,179,950	-
Fees, charges and other payables	3,000,000	-	3,000,000	-	-	-
	61,609,467	5,737,038,589	42,717,391,238	52,297,005,284	5,182,226,706	1,278,041,782

The Company's tax settlements are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations on many types of transactions is susceptible to varying interpretations, amounts reported in the financial statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

16 . SHORT-TERM ACCRUED EXPENSES

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Accrued salaries for annual leave	746,465,692	733,439,958
- Accrued 13th month salary advance	3,338,576,590	-
- Other accrued expenses	344,605,183	-
	4,429,647,465	733,439,958

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

17 . OTHER SHORT-TERM PAYMENTS

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Surplus of assets awaiting resolution	797,956,078	726,560,350
- Trade union fee	498,084,374	512,152,684
- Unemployment insurance	-	167,706
- Short-term deposits, collateral received	7,751,078,855	7,448,293,795
- Dividend, profit payables	233,833,927	229,046,727
- Others	20,371,309	235,919,099
	<u>9,301,324,543</u>	<u>9,152,140,361</u>

18 SHORT-TERM BORROWINGS

	01/01/2025	During the year		31/12/2025		
	Outstanding balance	Amount can be paid	Increase	Decrease	Outstanding balance	Amount can be paid
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Ho Chi Minh City Branch	-	-	47,192,140,212	47,192,140,212	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>47,192,140,212</u>	<u>47,192,140,212</u>	<u>-</u>	<u>-</u>



MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

19 . OWNER'S EQUITY

a) Changes in owner's equity

	Contributed capital		Share premium		Treasury shares		Development and investment funds		Retained earnings		Total	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Beginning balance of previous year	150,713,370,000	15,557,011,449	(317,124,000)	64,948,203,442	17,441,963,130	248,343,424,021						
Increase in capital in previous year	30,097,160,000	(15,048,580,000)	-	-	(15,048,580,000)	-						
Profit for previous year	-	-	-	-	30,114,049,356	30,114,049,356						
Profit distribution	-	-	-	626,429,817	(2,370,626,130)	(1,744,196,313)						
Ending balance of previous year	180,810,530,000	508,431,449	(317,124,000)	65,574,633,259	30,136,806,356	276,713,277,064						
Beginning balance of current year	180,810,530,000	508,431,449	(317,124,000)	65,574,633,259	30,136,806,356	276,713,277,064						
Beginning balance of current year (**)	18,058,180,000	-	-	-	-	18,058,180,000						
Profit for current year	-	-	-	-	9,252,475,608	9,252,475,608						
Profit distribution (*)	-	-	-	1,505,702,468	(29,800,219,804)	(28,294,517,336)						
Ending balance of this year	198,868,710,000	508,431,449	(317,124,000)	67,080,335,727	9,589,062,160	275,729,415,336						

(*) According to Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 147/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated 25 April 2025, the Company has distributed profits for 2024 as follows:

	Proportion	Amount
	%	VND
Net Profit after tax 2024	100.00	30,136,806,356
Development and investment fund	5.00	1,505,702,468
Bonus and welfare fund	9.99	3,011,404,936
Cash dividend payment (4% of charter capital)	23.97	7,224,932,400
Stock dividend payment (10% of charter capital) (**)	59.92	18,058,180,000
Undistributed profits	1.12	336,586,552

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

 18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
 Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

(**) The Company will issue shares to pay dividends in 2024, specifically as follows:

- Total number of shares distributed: 1,806,233 shares, of which:
 - + Number of shares distributed to shareholders in proportion: 1,805,818 shares to 881 shareholders;
 - + Number of shares handled with fractional shares, odd shares: 415 shares. (cancelled according to the plan for handling fractional shares);
- Total number of shares after the issuance (31/07/2025): 19,886,871 shares, of which:
 - + Number of outstanding shares: 19,868,149 shares;
 - + Number of treasury shares: 18,722 shares.

On 10/09/2025, the Ho Chi Minh Stock Exchange announced the trading of securities with a change in listing registration for the newly issued securities. Accordingly, the effective date of the listing change is 08 September 2025 and the official trading date for the securities with the changed listing is 19 September 2025.

b) Details of owner's invested capital

	Rate	Ending of the year	Rate	Beginning of the year
	(%)	VND	(%)	VND
Asia Pearl Joint Stock Company	0.00%	-	4.58%	8,280,000,000
Mr. Tran Quang Huy	24.59%	48,898,670,000	24.59%	44,453,352,000
Mrs. Phan Do Hanh	13.99%	27,825,600,000	13.99%	25,296,000,000
Viet Leader Asset Investment Company Limited	20.24%	40,260,000,000	20.24%	36,600,000,000
Others	41.08%	81,697,220,000	36.50%	65,993,958,000
Treasury shares	0.10%	187,220,000	0.10%	187,220,000
	100%	198,868,710,000	100%	180,810,530,000

c) Capital transactions with owners and distribution of dividends and profits

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Owner's contributed capital	198,868,710,000	180,810,530,000
- At the beginning of year	180,810,530,000	150,713,370,000
- Increase in the year	18,058,180,000	30,097,160,000
- At the ending of year	<u>198,868,710,000</u>	<u>180,810,530,000</u>
Distributed dividends and profit:		
- Dividend payable at the beginning of the year	229,046,727	229,046,727
- Dividend payable in the year:	25,283,112,400	-
+ Dividend payable from last year's profit	25,283,112,400	-
- Dividend paid in cash in the year	(7,220,145,200)	-
+ Dividend paid from last year's profit	(7,220,145,200)	-
- Dividend paid in shares in the year	(18,058,180,000)	-
+ Dividend paid from last year's profit	(18,058,180,000)	-
- Dividend payable at the end of the year	<u>233,833,927</u>	<u>229,046,727</u>

d) Stocks

	31/12/2025	01/01/2025
Quantity of Authorized issuing shares	19,886,871	18,081,053
Quantity of issued shares and full capital contribution	19,886,871	18,081,053
- Common stocks	19,886,871	18,081,053
Quantity of shares repurchased (Treasury stocks)	18,722	18,722
- Common stocks	18,722	18,722
Quantity of outstanding shares in circulation	19,868,149	18,062,331
- Common stocks	19,868,149	18,062,331

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

 18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
 Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

e) Company's funds

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Investment and development fund	67,080,335,727	65,574,633,259
	<u>67,080,335,727</u>	<u>65,574,633,259</u>

20 . OFF STATEMENT OF FINANCIAL POSITION ITEMS AND OPERATING LEASE COMMITMENT
a) Operating leased assets

The Company leases land at 18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City for production and business purposes. The leased land area is 33,410 m2. Accordingly, the Company must pay annual land rent according to the land rent notice of the tax authority.

b) Foreign currencies

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
- USD	200.71	9,239.19

c) Doubtful debts written-off

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Kien Giang Food Processing Import Export Joint Stock Company	233,874,352	233,874,352
Sammiguel Yamamura Packaging Co., Ltd	330,870,543	330,870,543
Others	102,519,474	82,355,452

21 . TOTAL REVENUE FROM SALES OF GOODS AND RENDERING OF SERVICES

	<u>Year 2025</u>	<u>Year 2024</u>
	VND	VND
Revenue from finished goods	75,383,263,615	42,586,339,972
Revenue from sale of goods	324,008,052,856	399,231,348,232
Revenue from rendering of services	18,898,647,121	25,283,231,307
Other	329,469,860	206,774,350
	<u>418,619,433,452</u>	<u>467,307,693,861</u>

22 . REVENUE DEDUCTIONS

	<u>Year 2025</u>	<u>Year 2024</u>
	VND	VND
Sales returns	533,953,900	701,869,440
	<u>533,953,900</u>	<u>701,869,440</u>

23 . COSTS OF GOODS SOLD

	<u>Year 2025</u>	<u>Year 2024</u>
	VND	VND
Costs of finished goods sold	287,636,086,999	342,283,936,034
Costs of goods sold	66,808,484,135	38,841,230,994
Costs of services rendered	22,509,806,820	29,946,940,366
	<u>376,954,377,954</u>	<u>411,072,107,394</u>

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

24 . FINANCIAL INCOME

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Interest income, interest from loans	12,760,340,112	1,545,006,161
Gain from disposal of financial investments	-	17,935,200,000
Dividends or profits received	26,666,400	39,999,600
Gain on exchange difference in the year	64,728,502	447,621,061
Gain on exchange difference at the year - end	4,948,739	286,465,299
	<u>12,856,683,753</u>	<u>20,254,292,121</u>

25 . FINANCIAL EXPENSES

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Interest expenses	1,113,382,650	245,749,233
Loss on exchange difference in the year	864,586,268	1,419,244,673
Provision for impairment loss from investment	138,685,000	-
	<u>2,116,653,918</u>	<u>1,664,993,906</u>

26 . SELLING EXPENSES

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Raw materials	3,183,393,662	3,943,410,149
Labour expenses	2,654,112,363	3,015,638,103
Depreciation expenses	125,890,236	125,890,236
Expenses of outsourcing services	3,024,894,251	2,894,745,928
Other expenses in cash	2,832,112,228	4,588,619,720
	<u>11,820,402,740</u>	<u>14,568,304,136</u>

27 . GENERAL ADMINISTRATIVE EXPENSES

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Raw materials	879,023,967	637,042,481
Labour expenses	13,572,642,757	10,115,520,211
Depreciation expenses	359,700,206	344,574,577
Tax, Charge, Fee	2,266,373,629	2,137,717,524
Provision expenses	4,477,096,991	4,306,303,261
Expenses of outsourcing services	6,020,653,998	3,496,191,285
Other expenses in cash	1,228,872,234	868,992,266
	<u>28,804,363,782</u>	<u>21,906,341,605</u>

T.C.P. H.N.H.

T.C.P. H.N.H.

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

28 . CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSES

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Total profit before tax	11,860,912,736	37,796,035,365
Increase	1,207,939,303	653,894,281
- <i>Ineligible expenses</i>	1,207,939,303	653,894,281
Decrease	(26,666,400)	(39,999,600)
- <i>Dividend payment</i>	(26,666,400)	(39,999,600)
Taxable income	13,042,185,639	38,409,930,046
Current corporate income tax expense (Tax rate 20%)	<u>2,608,437,128</u>	<u>7,681,986,009</u>
Tax payable at the beginning of year	3,904,779,291	1,529,429,995
Tax paid in the year	(5,404,779,291)	(5,306,636,713)
Corporate income tax payable at the end of the year	<u>1,108,437,128</u>	<u>3,904,779,291</u>

29 . BASIC EARNINGS PER SHARE

Basic earnings per share distributed to common shareholders of the company are calculated as follows:

	Year 2025	Year 2024 (Adjusted)
	VND	VND
Net profit after tax	9,252,475,608	30,114,049,356
Profit distributed for common stocks	9,252,475,608	30,114,049,356
Average number of outstanding common shares in circulation in the year	19,868,149	19,868,149
Basic earnings per share	<u>466</u>	<u>1,516</u>

The company has not planned to make any distribution to Bonus and welfare fund, bonus for the Board of Directors from the net profit after tax at the date of preparing Financial Statements.

Basic earnings per share have been adjusted retrospectively as regulated by Vietnamese Accounting Standards No. 30 – Basic earnings per share.

As at 31 December 2025, the Company does not have shares with dilutive potential for earnings per share.

30 . BUSINESS AND PRODUCTIONS COST BY ITEMS

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Raw materials	251,041,684,194	305,367,341,173
Labour expenses	61,451,671,104	52,397,948,056
Depreciation and amortisation	5,959,638,655	10,478,544,341
Expenses of outsourcing services	22,166,549,823	23,403,335,536
Other expenses in cash	6,307,138,091	5,457,611,986
Provision expenses	4,477,096,991	4,306,303,261
	<u>351,403,778,858</u>	<u>401,411,084,353</u>

31 . FINANCIAL INSTRUMENTS

Financial risk management

Financial risks that the Company may face risks including: market risk, credit risk and liquidity risk. The Company has developed its control system to ensure the reasonable balance between cost of incurred risks and cost of risk management. The Board of Management of the Company is responsible for monitoring the risk management process to ensure the appropriate balance between risk and risk control.



MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Financial Statements
For the fiscal year ended as at 31/12/2025

Market risk

The Company may face with the market risk such as: changes in prices, exchange rates and interest rates.

Price Risk

The Company bears price risk of equity instruments from long-term investments in securities due to the uncertainty of future prices of the securities. As regards, long-term securities held for long-term strategies, at the end of the fiscal year, the Company has no plan to sell these investments.

	Under 1 year VND	From 1 to 5 years VND	Over 5 years VND	Total VND
As at 31/12/2025				
Long term investments	-	1,833,315,000	-	1,833,315,000
	<u>-</u>	<u>1,833,315,000</u>	<u>-</u>	<u>1,833,315,000</u>
As at 01/01/2025				
Long term investments	-	2,133,312,000	-	2,133,312,000
	<u>-</u>	<u>2,133,312,000</u>	<u>-</u>	<u>2,133,312,000</u>

Exchange rate risk

The Company bears the risk of interest rates due to the transaction made in a foreign currency other than VND such as: borrowings, revenue, cost, importing materials, good, machinery and equipment ...

Interest rate risk

The Company bears the risk of interest rates due to the fluctuation in fair value of future cash flow of a financial instrument in line with changes in market interest rates if the Company has time or demand deposits, borrowings and debts subject to floating interest rates. The Company manages interest rate risk by analyzing the market competition situation to obtain interest beneficial for its operation purpose.

Credit Risk

Credit risk is the risk of financial loss to the Company if a counterparty fails to perform its contractual obligations. The Company has credit risk from operating activities (mainly to trade receivables) and financial activities (including deposits, loans and other financial instruments), detailed as follows:

	Under 1 year VND	From 1 to 5 years VND	Over 5 years VND	Total VND
As at 31/12/2025				
Cash and cash equivalents	36,845,159,345	-	-	36,845,159,345
Trade receivables, other receivables	61,085,325,660	5,250,000	-	61,090,575,660
Loans	106,178,104,109	-	-	106,178,104,109
	<u>204,108,589,114</u>	<u>5,250,000</u>	<u>-</u>	<u>204,113,839,114</u>

1671
NG T
PHÁ
BA
CH
TP.H

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

	Under 1 year	From 1 to 5	Over 5 years	Total
	VND	years	VND	VND
	VND	VND	VND	VND
As at 01/01/2025				
Cash	16,906,377,798	-	-	16,906,377,798
Trade receivables, other receivables	60,630,541,116	5,250,000	-	60,635,791,116
Loans	149,940,000,000	-	-	149,940,000,000
	<u>227,476,918,914</u>	<u>5,250,000</u>	<u>-</u>	<u>227,482,168,914</u>

Liquidity Risk

Liquidity risk is the risk that the Company has trouble in settlement of its financial obligations due to the lack of funds. Liquidity risk of the Company is mainly from different maturity of its financial assets and liabilities.

Due date for payment of financial liabilities based on expected payment under the contracts (based on cash flow of the original debts) as follows:

	Under 1 year	From 1 to 5	Over 5 years	Total
	VND	years	VND	VND
	VND	VND	VND	VND
As at 31/12/2025				
Trade payables, other payables	37,315,013,748	-	-	37,315,013,748
Accrued expenses	4,429,647,465	-	-	4,429,647,465
	<u>41,744,661,213</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>41,744,661,213</u>
As at 01/01/2025				
Trade payables, other payables	25,177,504,451	-	-	25,177,504,451
Accrued expenses	733,439,958	-	-	733,439,958
	<u>25,910,944,409</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>25,910,944,409</u>

The Company believes that risk level of loan repayment is low. The Company has the ability to pay due debts from cash flows from its operating activities and cash received from mature financial assets.

32 . SUBSEQUENT EVENTS AFTER THE REPORTING FISCAL YEAR

There have been no significant events occurring after the reporting year, which would require adjustments or disclosures to be made in the Financial Statements.

11
10
09
08
07
06
05
04
03
02
01



MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2025

33 . TRANSACTION AND BALANCES WITH RELATED PARTIES


Transactions with other related parties:

	Relation	Year 2025 VND	Year 2024 VND
Income of key managers		3,296,116,064	1,469,139,861
Mr. La Hoai Nam	General Director (Appointed on 25/11/2024)	2,011,764,526	192,665,237
Mrs. Pham Thi Thuy Phuong	Chairman of the Board of Director (Resigned on 28/06/2024)	-	60,000,000
Mr. Vu Trong Tuan	Chairman of the Board of Director	1,059,351,538	418,451,225
Mrs. Bui Thi Minh Tam	Chairman of the Board of Director (Resigned on 01/11/2024)	-	40,000,000
Mrs. Duong Thi Thanh Tam	Member of the Board of Directors (Resigned on 25/04/2025)	30,576,923	46,666,667
Mrs. Trieu Thi Ngoc Quynh	Member of the Board of Directors (Resigned on 28/06/2024)	-	40,000,000
Mrs. Phan Do Hanh	Member of the Board of Directors	112,500,000	91,666,667
Mrs. Nguyen Mai Thanh	Member of the Board of Directors (Appointed on 25/04/2025)	81,923,077	-
Mrs. Truong Nu Thi Do Quynh	General Director (Resigned on 23/08/2024)	-	579,690,065
Income of the Board of Supervisors		394,245,357	179,162,843

In addition to the above related parties' transactions, other related parties did not have any transactions during the year and have no balance at the end of the accounting period with the Company.

34 . COMPARATIVE FIGURES


The corresponding figures are those taken from the accounts for the fiscal year ended as at 31 December 2024, which was audited by AASC Auditing Firm Company Limited.



Pham Thi Thu Trang
Preparer
Ho Chi Minh City, 30 March 2026



Nguyen Nhat Linh
Chief Accountant



La Hoai Nam
General Director

